

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN
Số: 31/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 28 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Dương Thị G, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị C, sinh năm 1951;

2. Ông Dương Văn T, sinh năm 1951;

3. Ông Dương Văn L, sinh năm 1956;

4. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1959;

5. Bà Dương Thị M, sinh năm 1968;

6. Ông Dương Văn O, sinh năm 1971;

7. Ông Nguyễn Văn Na T2, sinh năm 1969;

8. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1973;

9. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

10. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp E, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

11. Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

12. Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: số B ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(bà G có mặt; các đương sự còn lại có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 07/12/2023, bản tự khai ngày 14/12/2023 và tại phiên họp, người yêu cầu bà Dương Thị G trình bày: cha bà tên Dương Văn V, sinh năm 1921 (đã chết năm 2006), mẹ bà tên Lê Thị C1 (C2, C3), sinh năm 1926 (đã chết năm 2007). Cha mẹ bà có tất cả 08 người con chung gồm: bà Dương Thị K1 (chết ngày 20/12/2021), bà Dương Thị C, ông Dương Văn T, ông Dương Văn L, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị G, bà Dương Thị M và ông Dương Văn Ô (On); cha mẹ bà không có người con chung hay con riêng nào khác. Bà Dương Thị K1 có chồng là ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2015) và 07 người con tên Nguyễn Văn Na T2, Nguyễn Cẩm H, Nguyễn Thanh D (chết ngày 01/12/2021, không có con), Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Thị Cẩm N. Từ khi sinh ra cho đến khi lập gia đình thì bà sống chung với cha mẹ tại ấp Đ, xã T, huyện C, sau khi lập gia đình thì bà về ở bên gia đình chồng cũng tại ấp Đ, xã T, sau đó ly hôn và bà trở về sống chung lại với cha mẹ đến khi cha mẹ chết đến nay. Khi làm Giấy chứng minh nhân dân thì bà tự khai tên là Dương Thị G, sinh năm 1962, đến khi cấp đổi qua căn cước công dân thành tên Dương Thị G, sinh ngày 01/01/1962. Bà không biết ai là người đi làm giấy khai sinh cho bà và trước đây bà cũng không để ý đến nội dung trong giấy khai sinh. Đến giữa năm 2023, khi bà đi trích lục giấy khai sinh mới biết được trong giấy khai sinh của bà tên "Lê Thị G1, sinh ngày 01/9/1962" không có ghi tên cha và họ trong giấy khai sinh của bà là họ "Lê" theo họ của mẹ chứ không phải họ "D1" theo họ của cha. Nay bà yêu cầu Tòa án xác định bà là con của ông Dương Văn V để bà điều chỉnh lại phần tên cha trên giấy khai sinh của bà.

- Tại các tờ tự khai ngày 20/12/2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị C, ông Dương Văn T, ông Dương Văn L, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị M, ông Dương Văn O, ông Nguyễn Văn Na T2, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Hồng K, bà Nguyễn Thị Cẩm N đều trình bày: ông Dương Văn V, sinh năm 1921 (đã chết năm 2006), và bà Lê Thị C1 (Chởn, C3), sinh năm 1926 (đã chết năm 2007) có tất cả 08 người con chung gồm: bà Dương Thị K1 (chết ngày 20/12/2021), bà Dương Thị C, ông Dương Văn T, ông Dương Văn L, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị G, bà Dương Thị M và ông Dương Văn Ô (On); ông V và bà C1 không có người con chung hay con riêng nào khác. Từ nhỏ bà G chung sống với ông V và bà C1, sau này bà G có gia đình thì mới ra ở riêng. Các ông bà cũng không biết lý do vì sao Giấy khai sinh của bà G lại không ghi tên cha và lấy tên là "Lê Thị G1" nhưng các ông bà xác nhận bà G1 là con ruột của ông V và bà C1. Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C sau khi phân tích việc dân sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị G về việc xác định ông Dương Văn V là cha của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1]. Bà [Dương Thị G](#) yêu cầu xác định ông [Dương Văn V](#) là cha ruột là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, ông [Dương Văn V](#) và bà [Lê Thị C1](#) chung sống với nhau có tất cả 08 người con gồm: bà [Dương Thị K1](#), bà [Dương Thị C](#), ông [Dương Văn T](#), ông [Dương Văn L](#), bà [Dương Thị T1](#), bà [Dương Thị G](#), bà [Dương Thị M](#) và ông [Dương Văn Ô](#) (On) nhưng trong trích lục khai sinh của bà [Dương Thị G](#) không thể hiện họ tên cha là ông [Dương Văn V](#) mà chỉ có họ tên mẹ là bà [Lê Thị C1](#) và thể hiện tên trong khai sinh là “[Lê Thị G1](#), sinh ngày 01/9/1962”. Mặc dù, trích lục khai sinh của bà [G1](#) không thể hiện tên cha nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định bà [G1](#) là con ruột của ông [V](#) và bà [C1](#), sự thừa nhận này phù hợp với bản sao giấy khai sinh của bà [G1](#) và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nên việc bà [G1](#) yêu cầu xác định bà là con của ông [Dương Văn V](#) là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của bà [G1](#) và xác định bà [G1](#) là con của ông [V](#).

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: bà [G1](#) được miễn lệ phí việc dân sự theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà [Dương Thị G](#) về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định ông [Dương Văn V](#), sinh năm 1921 (đã chết năm 2006) là cha của bà [Dương Thị G](#), sinh ngày 01/01/1962 (trên giấy khai sinh tên [Lê Thị G1](#), sinh ngày 01/9/1962).

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà [Dương Thị G](#) được miễn lệ phí việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thùy Trang